TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2024
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC- TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Văn Luận**, Chủ tịch MTTQ huyện Tân Lạc..

2. Bà **Bùi Thị Oanh**, Bí thư Đoàn TNCSHCM xã Tử Nê

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông **Đinh Mạnh Cơ**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 52/2024/TLST- HNGĐ ngày 29/5/2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 10/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1992.

2. Bị đơn : Anh **Nguyễn Trọng D**, sinh năm 1991.

Cùng ĐKNKTT: Xóm U xã L, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.(*Vắng mặt lần thứ hai không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 30/5/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng D sau quá trình tự do tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tự nguyện kết hôn, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 28/5/2016. Sau kết hôn, vợ chồng sống chung trên nhà đất của gia đình nhà chồng tại xóm U, xã L, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ nên chị vẫn chịu đựng và coi là hạnh phúc bình thường. Bởi trước kết hôn chị đã có kinh doanh nghề cắt tóc, gội đầu và làm đẹp nên sống ở nhà chồng một thời gian thì anh chị sửa lại quán của chị và dọn ra ở chung tại gian quán này cho tiện sinh hoạt cũng như kinh doanh. Cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình khác biệt; trái ngược nhau về lối sống và quan điểm sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặt khác, anh D không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho gia đình, vợ con lại còn không trung thực, không thật thà trong nhiều lúc, nhiều nơi và nhiều hoàn cảnh khiến chị mất niềm tin; không những thế còn ghen tuông không có căn cứ. Chị đã cố gắng tìm cách khuyên giải

và cả hai bên gia đình khuyên giải để anh D sửa đổi mà chăm chỉ làm ăn, chăm lo cho gia đình vợ con. Tuy nhiên anh D vẫn chứng nào tật ấy. Không những thế anh D còn Trộm cắp tài sản bị bắt, truy tố và bị Toà án nhân dân huyện Tân Lạc xử 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo và 05 năm thử thách;Dù vậy nhưng chị đã cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng nhưng không thể chịu đựng được hơn chị đã đuổi anh về nhà nội sống và bỏ mặc, không thèm quan tâm để hy vọng anh D thay đổi nhưng anh D không có chuyển biến gì. Không thể chịu đựng hơn và thấy cuộc sống không có tương lai; tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị H gửi đơn yêu cầu xin được ly hôn anh D để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng có 01 con là: Nguyễn An Y, sinh ngày 14/4/2017. Khi ly hôn, nguyện vọng của cháu trong bản khai do chị xuất trình xin được ở với mẹ nên chị H xin được nuôi dưỡng giáo dục con và việc đóng góp nuôi con chung chị chưa yêu cầu; Tài sản chung: Không có, không đề nghị Toà giải quyết. Công nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ.

Vì phía bị đơn anh Nguyễn Trọng D đã ra Toà cung cấp lời khai với quan điểm: Không đồng ý ly hôn vì không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên khi hoà giải anh D cũng thống nhất ly hôn vì thấy tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Anh thống nhất như chị H là có một con là: Nguyễn An Y, sinh ngày 14/4/2017. Khi ly hôn, nguyện vọng của cháu khi toà lấy lời khai lúc không có mặt chị H là xin được ở với bố nên anh D cũng xin được nuôi dưỡng giáo dục con và việc đóng góp nuôi con chung anh chưa yêu cầu; Tài sản chung - Công nợ chung: Có một số tài sản như máy móc phụ kiện làm nghề làm đẹp, xe máy, điều hoà, máy poto… và có nợ 50 triệu ngân hàng. Tuy nhiên sau này anh D cho là không có tài sản và công nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ, anh không có ý kiến gì khác.

Tuy nhiên khi nghe Toà khuyên giải để vợ chồng có thể thống nhất việc giải quyết anh D không nghe và các lần làm việc sau không đến và không hợp tác dù anh có nhận được các thông báo theo quy định của pháp luật. Qua điện thoại Toà cũng đã liên lạc, anh D nghe máy và thể hiện quan điểm của mình nhưng không đến làm việc và cố tình trốn tránh .

Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh D cố tình trốn tránh nên để giải quyết vụ án, chị H đã có văn bản đề nghị Toà án điều tra xác minh thu thập chứng cứ đưa vụ án ra xét xử để giải quyết việc ly hôn của chị theo quy định của pháp luật. Tòa đã tiến hành các thủ tục: điều tra xác minh thu thập chứng cứ, tống đạt giấy báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày xét xử lần thứ nhất, anh Nguyễn Trọng D vẫn không có mặt và không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn theo quy định của Pháp luật.

Đến phiên tòa lần thứ hai. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc cũng đã tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định ngày xử tiếp theo và tống đạt cho anh D theo pháp luật; Toà cũng đã báo cho anh D để thực hiện quyền và nghĩa vụ của bản thân tại phiên toà nhưng anh Nguyễn Trọng D đã nhận được thông báo ngày giờ mở lại phiên toà: Tuy nhiên, đến ngày xét xử, anh Nguyễn Trọng D vẫn vắng mặt không có lý do.

Như vậy: Anh Nguyễn Trọng D đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Quá trình giải quyết: Thẩm phán, hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng các thủ tục theo quy định. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Bùi Thị H phù hợp với các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị H và anh D là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83; khoản 1 Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trọng D. Về con chung: Vợ chồng có 01 con là: Nguyễn An Y, sinh ngày 14/4/2017. Khi ly hôn, theo nguyện vọng của cháu và chị H xin được nuôi dưỡng giáo dục con là có căn cứ; việc đóng góp nuôi con chung chị chưa yêu cầu: Cần chấp nhận. Về tài sản chung:Vì vợ chồng sống với ông bà nội và về sau sửa quán mới ra ở riêng nhưng vì anh D không chịu khó làm ăn nên làm chỉ vừa đủ cho vợ chồng sinh sống và nuôi con nên tài sản chung không có gì đáng kể, chị H xin được tự thoả thuận, không đề cập giải quyết. Về công nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết là phù hợp. Về trách nhiệm nộp án phí: Chị H cũng xin tự nguyện chịu nên áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là là chị Bùi Thị H và bị đơn anh Nguyễn Trọng D cùng trú tại xóm U, L, Tân Lạc, Hòa Bình. nên chị H khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh D là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết anh Nguyễn Trọng D đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà theo quy định nhưng lần thứ hai anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Bởi vậy việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trọng D là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật TT dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Trọng D chung sống và kết hôn với nhau tháng 05/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc bình thường được khoảng 03 năm đầu; Đến đầu năm 2020 và nhất là khi anh Nguyễn Trọng D vi phạm pháp luật hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do anh D không chịu khó làm ăn, thiếu trách nhiệm với vợ con; sống thiếu trung thực, không thật thà khiến chị H mất niềm tin. Chính vì lối sống đó nên anh D đã "Trộm cắp tài sản" bị Công an bắt, Viện kiểm sát khởi tố và bị Toà án nhân dân huyện Tân Lạc tuyên phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội "Trộm cắp tài sản". Vợ chồng xung đột khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Chị H đã tìm đủ cách để anh D sửa đổi để gia đình yên ấm, hạnh phúc nhưng anh D vẫn không có sự chuyển biến, không chịu tu chí làm

ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con, không đỡ đần chị để một mình chị bươn chải vất vả lo toan, chèo chống cho cả gia đình. Không những thế anh D còn ghen tuông không có căn cứ; Vì vợ chồng không còn niềm tin với nhau nên cuộc sống chung hết sức nặng nề; chi không muốn chung sống với anh D mà yêu cầu anh về sống với bố mẹ đẻ; Đến đầu năm 2023, vợ chồng chính thưc sống ly thân, cả hai đều không còn quan tâm đến nhau: Tình cảm vợ chồng đã hết. Xét hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Trọng D từ sau khi kết hôn chỉ hạnh phúc, bình thường được một thời gian ngắn đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng không thể hòa hợp, anh Nguyễn Trọng D không còn sự quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con; chị H đã tìm đủ mọi cách để anh D suy nghĩ lại để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng anh D không có giải pháp gì để vợ mình tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc; Hiện cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trọng D là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Vợ chồng có 01 con là: Nguyễn An Y, sinh ngày 14/4/2017. Khi vợ chồng ly hôn cả hai đều có quyền nuôi dưỡng giáo dục con như nhau và cả hai đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và khi được nuôi dưỡng bên nào cũng không cần phía bên kia đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Điều này chứng tỏ cả hai bên đều thương yêu, muốn quan tâm, chăm sóc và giáo dục con tốt nhất.

Tuy nhiên, xét điều kiện của mỗi bên làm sao cho An Y có được một cuộc sống tốt nhất; được quan tâm, chăm lo và phát triển một cách bình thường, không làm sáo trộn cuộc sống, tâm lý của cháu là vấn đề được quan tâm và ưu tiên.

Khi vợ chồng còn bình thường cháu đã quen sống với bố mẹ và ông bà nội; được bố mẹ và ông bà chăm lo đầy đủ; nhưng khi vợ chồng ly hôn: anh Nguyễn Trọng D vẫn sống cùng bố mẹ đẻ và trường của An Y học cũng chỉ cách nhà khoảng trên 01 km, dù việc làm không ổn định và thu nhập bấp bênh nhưng với sự giúp đỡ của ông bà nội, chắc chắn anh D vẫn đảm nhiệm được việc nuôi dưỡng con tốt nhất có thể.

Chị Bùi Thị H khi ly hôn vẫn sống tại gian nhà làm quán và kinh doanh, trường học của con cách 50m nên cũng dễ bề đưa đón; chị có nghề nghiệp, có việc làm chính và còn làm thêm cả việc poto văn bản tài liệu có thu nhập ổn định, trung bình khoảng 15 triệu/tháng trong năm; có tư cách đạo đức tốt, nhân thân tốt; có môi trường sống, học tập và giáo dục thuận lợi. Anh Nguyễn Trọng D đã vi phạm pháp luật và bị kết án, đang trong thời gian thi hành án. Nếu An Y sống với mẹ tại gian quán bán hàng để đi học gần hơn nhưng cũng chỉ cách ông bà nội khoảng 01 km nên nếu anh D và ông bà muốn gặp cháu cũng không phải là xa xôi cách trở. Tuy nhiên, khi vợ chồng mâu thuẫn, anh D đón cháu về trên ông bà và ngăn cấm không cho chị H được đón hay đưa con xuống quán ta đã nhận thấy cách bảo ban, chăm lo, giáo dục con của anh Nguyễn Trọng D hết sức phiến diện; Việc anh D vô trách nhiệm, không hợp tác và không chịu đến Toà làm việc thể hiện sự lệch lạc trong nhận thức dẫn đến việc làm thiếu suy nghĩ, tư cách đạo đức thiếu chuẩn

mực (*Anh D đang phải chấp hành thời gain thử thách của bản án trộm cắp tài sản*) ít nhiều sẽ anh hưởng đến tính cách của con sau này. hơn nữa anh D hiện không có việc làm và thu nhập, không tự lo được cho bản thân. Chị Bùi Thị H có việc làm ổn định, có thu nhập tốt đủ để hai mẹ con sinh sống. Hơn nữa cháu An Y lại là con gái rất cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhất là trong giai đoạn sắp tới khi cháu phát triển và dậy thì, người mẹ sẽ rất cần thiết cho cháu. Bởi vậy, thấy : không nên làm sáo trộn cuộc sống của cháu nên giao cháu Nguyễn An Y cho chị Bùi Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ; Chấp nhận sự tự nguyện của chị H chưa yêu cầu anh D phải đóng góp nuôi con chung. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[4]Về tài sản chung, công nợ chung: Bởi trong quá trình giải quyết nguyên đơn xác định không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Toà giải quyết. Tuy nhiên, bị đơn lại khai có một số tài sản như ti vi, điều hoà, tủ lạnh, xe máy và máy poto và có khoản nợ ngân hàng NN&PTNT Tân Lạc 50 triệu nhưng bị đơn lại thay đổi ý kiến cho rằng không có tài sản chung và nợ chung; không yêu cầu chia và xử lý nếu bị đơn được nuôi con chung. Tìm hiểu qua nguyên đơn và bị đơn thấy: Khoản vay 50 triệu có là do gia đình bị đơn vay cho vợ chồng sửa sang và mua một số vật dụng tại gian nhà quán kinh doanh từ năm 2020 nhưng sau gia đình cần vay một khoản lớn hơn sử dụng cho gia đình nên chị H đã tự lo và trả lại 50 triệu này nên vợ chồng không liên quan đến nợ của ngân hàng. Về một số tài sản anh D kê khai, chị H xác định là có nhưng toàn là hàng cũ đã qua sử dụng do chị tự làm và sắm được trong thời gian anh D vi phạm pháp luật từ năm 2020, anh D không giúp hay có góp gì trong việc mua sắm này. Tuy nhiên theo chị tự đánh giá giá trị của một số vật dụng nêu trên không đáng kể chỉ khoảng 20 triệu và chị chấp nhận tự nguyện hỗ trợ cho công sức đóng góp của anh D trong khối tài sản chung này là 08 triệu. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, cần ghi nhận là phù hợp.

[5]Về án phí: Chị Bùi Thị H xin tự nguyện chịu: Sự tự nguyện này phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 59, 60 Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng D .

[2]- Về con chung : Vợ chồng có 01 con là: Nguyễn An Y, sinh ngày 14/4/2017; Giao cháu Nguyễn An Y cho chị Bùi Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Nguyễn Trọng D đóng góp nuôi con chung. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[3]Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H hỗ trợ phần đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng cho anh Nguyễn Trọng D 8.000.000đ

[4]- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Lạc theo biên lai số: 0000637 ngày 30/5/2024, nay không phải nộp thêm.

[5]- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày bản án được niêm yết hoặc nhận được thông báo kết quả xét xử.

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSNDtỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THA huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã L-Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng